

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày 10-7-2025

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Hải Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công Biên

Bà Hoàng Thị Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân khu vực 5, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Lương Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1962; Nơi cư trú: Số H T, tổ G, phường B, quận K (nay là phường P), thành phố Hải Phòng; có mặt

- *Bị đơn:* Bà Trần Ngọc T1, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Số H T, tổ G, phường B, quận K (nay là phường P), thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 4 năm 2025 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là ông Nguyễn Quang T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Ngọc T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận K (nay là

phường P), thành phố Hải Phòng vào ngày 30 tháng 12 năm 2002. Trước đó ông bà đã chung sống với nhau và tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương từ năm 1992. Trước và sau khi kết hôn, ông bà vẫn chung sống tại số H T, tổ G, phường T, quận K (nay là phường P), thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hoà hợp dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hòa, cãi nhau. Mâu thuẫn cũng đã được các con và gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành mà ngày càng trầm trọng. Từ năm 2010 đến nay, vợ chồng ông đã ly thân, không ai quan tâm và trách nhiệm gì với nhau nữa. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể đoàn tụ được, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Ngọc T1.

- Về con chung: Ông và bà Trần Ngọc T1 có hai con chung là Nguyễn Thị Thanh T2, sinh ngày 08 tháng 5 năm 1992 và Nguyễn Quang T3, sinh ngày 18 tháng 4 năm 1995. Hiện tại các con chung đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn là bà Trần Ngọc T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Ngọc T1 xác định lời khai của ông Nguyễn Quang T về điều kiện, thời gian kết hôn là đúng. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng về quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách, vợ chồng bà đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Do mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục đoàn tụ, bà không còn tình cảm với ông T nên bà đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Quang T.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Quang T có hai con chung là Nguyễn Thị Thanh T2, sinh ngày 08 tháng 5 năm 1992 và Nguyễn Quang T3, sinh ngày 18 tháng 4 năm 1995. Hiện tại các con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham gia phiên tòa theo các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203 BLTTDS; các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q;

Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Quang T được ly hôn với bà Trần Ngọc T1.

Về con chung: Các con chung Nguyễn Thị Thanh T2, sinh ngày 08 tháng 5 năm 1992 và Nguyễn Quang T3, sinh ngày 18 tháng 4 năm 1995 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Quang T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự, tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm thụ lý, bị đơn là bà Trần Ngọc T1 có nơi cư trú tại số H T, tổ G, phường B, quận K (nay là phường P), thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Kiến An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5- Hải Phòng).

- Về nội dung:

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Quang T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn bà Trần Ngọc T1 đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai, không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Quang T và bà Trần Ngọc T1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 30 tháng 12 năm 2002 tại

Ủy ban nhân dân phường T, quận K (nay là phường P), thành phố Hải Phòng. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Quang T và bà Trần Ngọc T1 là hôn nhân hợp pháp theo khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu khác do Toà án thu thập được, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc ông T có đơn yêu cầu xin ly hôn bà T1 là do cả hai bất đồng quan điểm sống, tính cách không hoà hợp dẫn đến vợ chồng thường xảy ra va chạm. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hoà giải nhưng không đạt kết quả mà ngày càng trầm trọng. Từ năm 2023 đến nay, ông bà sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ông T bà T1 đã thực sự trầm trọng, không thể khắc phục đoàn tụ được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của ông T xin ly hôn với bà T1.

[5]. Về con chung: Ông Nguyễn Quang T và bà Trần Ngọc T1 có hai con chung Nguyễn Thị Thanh T2, sinh ngày 08 tháng 5 năm 1992 và Nguyễn Quang T3, sinh ngày 18 tháng 4 năm 1995. Hiện tại các con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Quang T và bà Trần Ngọc T1 không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Ông Nguyễn Quang T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quang T được ly hôn với bà Trần Ngọc T1.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Quang T và bà Trần Ngọc T1 có hai con chung là Nguyễn Thị Thanh T2, sinh ngày 08 tháng 5 năm 1992 và Nguyễn Quang T3, sinh ngày 18 tháng 4 năm 1995. Hiện các con chung đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Quang T và bà Trần Ngọc T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Quang T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004955 ngày 18 tháng 4 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5- Hải Phòng). Ông Nguyễn Quang T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Quang T và bà Trần Ngọc T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND khu vực 5;
- Phòng THADS khu vực 5;
- UBND phường Phù Liễn;
- (ĐKKH số 113 đk ngày 30/12/2003);
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Hải Hà